



BẢNG ĐIỂM KẾT QUẢ DỰ THI
CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH ĐẦU RA NỘI BỘ NĂM 2025 - ĐỢT 4
(Theo khung 6 bậc NLNN Việt Nam)

Học phần: Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 20/12/2025

Kỹ năng: Đọc, Viết, Nghe, Nói

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	501240309	Phan Ngọc Khánh	An	06/08/2005	CD24CT3	5.8	3.8	5.2	6.0	5.20	A2
2	507240170	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	09/09/2006	CD24QT1	8.0	8.0	6.4	9.2	7.90	B1
3	508240386	Phan Thị Vân	Anh	01/04/2006	CD24KT1	7.0	9.5	9.2	9.6	8.83	B1
4	506240146	Mai Chí	Bảo	27/06/2006	CD24CM1	7.5	7.5	3.6	8.0	6.65	B1
5	601240029	Hồ Ngọc	Châu	23/10/2006	CL24CT1	7.5	4.3	7.6	6.0	6.35	B1
6	501230645	Phạm Anh	Cơ	28/07/2001	CD23CT12	4.8	2.3	1.2	6.8	3.78	không đạt
7	514240088	Trần Chí	Cường	20/05/2006	CD24LM1	9.5	9.5	9.2	8.0	9.05	B1
8	501230410	Nguyễn Tấn	Đạt	17/05/2005	CD23CT5	5.8	5.0	4.8	7.2	5.70	A2
9	501240327	Nguyễn Vĩ	Đạt	29/06/2006	CD24CT3	8.5	9.0	10.0	9.2	9.18	B1
10	507240219	Trần Thị	Diễm	07/10/2006	CD24QT1	7.5	7.0	8.4	8.4	7.83	B1
11	507240116	Nguyễn Thị	Diệu	29/06/2006	CD24QT1	7.3	5.0	7.6	8.4	7.08	B1
12	508240174	Lê Thị Thanh	Diệu	22/06/2005	CD24KT1	7.0	7.0	8.4	9.6	8.00	B1
13	501230390	Nguyễn Thành	Đô	16/11/2005	CD23CT3	7.8	3.8	6.0	8.0	6.40	B1
14	506240154	Phan Trung	Du	22/03/2005	CD24CM1	5.8	5.8	5.6	7.2	6.10	B1
15	501240312	Trần Triều	Đức	11/10/2006	CD24CT3	7.8	7.5	6.0	7.6	7.23	B1
16	507240424	Trần Đoàn Ngọc	Hằng	12/11/2005	CD24QT1	6.8	6.5	3.6	9.6	6.63	B1
17	518240198	Nguyễn Thái	Hiếu	07/11/2006	CD24TW1	5.5	1.8	6.8	8.0	5.53	không đạt
18	518240184	Trịnh Minh	Hiếu	23/04/2006	CD24TW1	8.3	7.0	8.0	9.2	8.13	B1
19	510240114	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	05/10/2006	CD24DH3	8.3	7.5	8.0	9.6	8.35	B1
20	505210798	Cao Văn	Hoàng	18/08/2002	CD21CM1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
21	501230340	Lê Huy	Hoàng	15/10/2005	CD23CT3	6.5	3.8	7.2	6.4	5.98	A2
22	510240246	Đỗ Thị Mai	Hồng	01/03/2006	CD24DH2	8.8	9.0	8.4	9.2	8.85	B1
23	506240056	Tạ Văn	Hưng	26/09/2004	CD24CM1	2.5	2.0	0.8	7.6	3.23	không đạt
24	513230178	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	25/08/2004	CD23TD1	7.3	3.8	2.8	6.0	4.98	không đạt
25	506240082	Nguyễn Thanh	Huy	10/06/2006	CD24CM1	6.5	6.3	10.0	7.6	7.60	B1



Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
26	512240208	Lê Thị Thu	Huyền	24/04/2006	CD24QT1	7.3	8.3	8.4	8.4	8.10	B1
27	506240053	Lê Vi Khang	Hy	10/10/2004	CD24CM1	9.5	7.0	6.8	8.4	7.93	B1
28	511240042	Nguyễn Minh	Khoa	18/09/2005	CD24QT1	6.0	5.5	4.8	6.8	5.78	A2
29	507240226	Mai Đăng	Khoa	21/12/2006	CD24QT1	4.5	5.5	6.8	8.0	6.20	B1
30	501230314	Phạm Nguyễn Anh	Khôi	03/08/2005	CD23CT3	7.0	4.8	3.6	7.2	5.65	A2
31	508240122	Đặng Minh	Khôi	03/08/2003	CD24KT1	8.3	9.0	9.6	9.6	9.13	B1
32	506240191	Nguyễn Tuấn	Kiệt	06/01/2006	CD24CM1	5.5	5.0	6.4	6.4	5.83	A2
33	518240264	Hồ Khải	Kiệt	26/05/2006	CD24TW1	6.5	5.5	6.4	7.2	6.40	B1
34	501230386	Nguyễn Chí	Linh	31/10/2005	CD23CT3	4.3	5.3	3.2	6.4	4.80	không đạt
35	601210015	Trần Văn	Luật	06/08/1998	CL21CT1	2.3	1.5	4.4	5.6	3.45	không đạt
36	507240328	Trần Hoàng	Nam	23/08/1993	CD24QT1	9.3	9.5	10.0	9.2	9.50	B1
37	501230532	Cao Vũ Gia	Nguyễn	09/10/2005	CD23CT7	6.8	5.8	5.6	7.6	6.45	B1
38	518240052	Dư Bảo	Nhàn	03/09/2004	CD24TW1	6.8	7.0	6.8	7.2	6.95	B1
39	601240036	Tăng Minh	Nhật	19/08/2007	CL24CT1	9.5	9.5	8.8	9.2	9.25	B1
40	513240048	Trịnh Huỳnh	Như	08/11/2002	CD24QT1	8.5	7.5	10.0	6.8	8.20	B1
41	514230126	Trần Vĩnh	Phát	30/09/2005	CD23CT2	7.5	3.8	7.2	7.2	6.43	B1
42	518240215	Đoàn Tấn	Phát	08/01/2006	CD24TW1	8.0	7.0	7.2	7.2	7.35	B1
43	501230203	Trần Đình	Phong	17/02/2005	CD23CT4	4.8	3.8	5.6	7.2	5.35	A2
44	501230388	Vũ Đình	Phúc	02/01/2005	CD23CT5	6.0	3.8	6.4	7.2	5.85	A2
45	514240080	Trần Hoàng	Phúc	01/11/2006	CD24LM1	6.8	5.5	4.4	8.0	6.18	B1
46	514240004	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	19/11/2001	CD24LM1	7.0	7.0	8.4	8.8	7.80	B1
47	601240027	Lâm Đại	Phước	06/12/2006	CL24CT1	7.0	5.0	5.6	8.0	6.40	B1
48	601240035	Tôn Thất	Quang	15/11/2007	CL24CT1	5.8	2.0	5.6	6.8	5.05	không đạt
49	610240006	Lý Mỹ	San	07/03/2006	CL24DH1	9.3	9.0	8.8	9.2	9.08	B1
50	514240212	Tạc Quang	Sang	15/04/2006	CD24LM1	6.0	6.0	3.6	7.2	5.70	A2
51	506240141	Huỳnh Tấn	Tài	07/06/2006	CD24CM1	7.3	7.0	8.4	7.2	7.48	B1
52	501240093	Bùi Thành	Tài	26/07/2006	CD24CT4	4.3	4.0	4.8	8.0	5.28	A2
53	501230547	Nguyễn Phát	Tài	24/01/2005	CD23CT7	6.3	8.3	7.6	7.2	7.35	B1
54	501230425	Trần Lê Ngọc	Tân	06/08/2005	CD23CT2	5.0	6.0	3.6	8.4	5.75	A2
55	506240277	Võ Đức Quốc	Thắng	27/01/2006	CD24CM1	8.8	7.3	8.4	8.8	8.33	B1
56	501230296	Phạm Dương	Thanh	12/07/2005	CD23CT4	9.3	4.8	7.2	5.0	6.58	B1

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
57	610240031	Huỳnh Phúc	Thành	06/02/2005	CL24DH1	3.8	3.5	1.6	5.0	3.48	không đạt
58	518240128	Trần Hoàng	Thông	25/06/2006	CD24TW1	5.5	5.5	3.6	8.0	5.65	A2
59	508240413	Nguyễn Anh	Thư	24/09/2005	CD24KT1	9.8	10.0	9.6	9.2	9.65	B1
60	507240179	Phạm Thị Huyền	Thương	22/12/2006	CD24QT1	7.8	6.5	9.2	8.4	7.98	B1
61	512240204	Dương Văn	Tiến	05/11/2006	CD24MK1	7.5	6.5	9.6	8.8	8.10	B1
62	514240081	Phạm Đức	Tin	10/08/2006	CD24LM1	7.3	6.5	6.0	7.6	6.85	B1
63	510240107	Nguyễn Thị Uyên	Trang	16/07/2006	CD24DH3	4.3	5.0	4.4	9.6	5.83	A2
64	514230183	Đinh Hải	Triều	05/04/2005	CD23LM1	8.3	8.8	9.2	6.8	8.28	B1
65	512240342	Hồ Ngọc Thanh	Tuyền	18/06/2006	CD24MK1	8.0	7.0	10.0	8.4	8.35	B1
66	501230302	Nguyễn Anh	Văn	14/12/2005	CD23TM1	6.3	6.0	8.8	6.8	6.98	B1
67	501230273	Hồ Văn Quốc	Việt	19/04/2005	CD23CT3	8.8	5.0	6.0	8.4	7.05	B1
68	510230404	Lương Thế	Việt	11/10/2004	CD23DH3	7.3	7.0	6.4	5.0	6.43	B1
69	507230297	Nguyễn Quang	Vinh	11/05/2005	CD23QT1	5.3	5.0	7.2	8.4	6.48	B1
70	507240294	Lê Văn	Vũ	23/08/2006	CD24QT1	7.5	6.0	4.8	5.6	5.98	A2
71	510220770	Võ Trường	An	15/11/2004	CD22DH4	8.8	7.0	8.0	9.2	8.25	B1
72	501230428	Nguyễn Hoài	Anh	20/08/2005	CD23CT2	3.5	2.5	1.6	4.0	2.90	không đạt
73	511240247	Tạ Hoài	Bảo	19/12/2006	CD24LG1	3.5	2.0	0.0	5.0	2.63	không đạt
74	511240144	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/10/2006	CD24LG1	2.3	0.8	2.0	0.0	1.28	không đạt
75	501230270	Thái Huỳnh Trung	Hiếu	30/10/2005	CD23CT4	3.5	1.8	2.0	5.0	3.08	không đạt
76	501230644	Đoàn Minh	Hiếu	29/01/2001	CD23CT12	2.8	1.0	3.6	5.0	3.10	không đạt
77	501220479	Lê Huy	Hiếu	29/10/2004	CD22CT9	3.8	4.5	2.4	5.0	3.93	không đạt
78	511240096	Nguyễn Bảo	Khuyên	18/10/2006	CD24LG1	6.0	6.0	6.0	8.8	6.70	B1
79	501230179	Phạm Tuấn	Kiệt	17/07/2005	CD23CT5	9.3	9.0	9.6	7.6	8.88	B1
80	501230414	Dương Tấn	Kiệt	19/07/2004	CD23CT5	2.8	3.5	3.6	5.0	3.73	không đạt
81	501230094	Nguyễn Phạm Hoàng	Lam	29/12/2003	CD23CT6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
82	501230184	Bùi Hữu	Lộc	28/05/2005	CD23CT5	3.0	1.0	1.2	7.2	3.10	không đạt
83	501240129	Lê Nguyễn Bảo	Long	03/05/2006	CD24CT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
84	501230229	Nguyễn Hoàng	Luân	14/11/2005	CD23CT6	5.8	4.5	8.0	7.6	6.48	B1
85	501230185	Ngô Ngọc	Nhân	10/05/2005	CD23CT3	5.3	1.8	3.6	0.0	2.68	không đạt
86	501220386	Liu Hín	Phát	11/12/2003	CD22CT8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
87	506240091	Nguyễn Phước	Sang	01/11/2006	CD24CM1	7.3	7.0	6.4	8.4	7.28	B1
88	518240022	Nguyễn Hoàng	Sang	02/12/2003	CD24LM1	6.0	3.8	4.8	8.4	5.75	A2
89	511240169	Nguyễn Phước	Sang	17/02/2005	CD24LG1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
90	501230228	Từ Công	Son	13/04/2005	CD23CT5	2.5	1.0	4.0	5.0	3.13	không đạt
91	514240132	Vương Hoàng	Tấn	03/04/2006	CD24LM1	7.0	3.8	3.6	6.4	5.20	A2
92	501230411	Dương Thị Kim	Thảo	12/03/2005	CD23CT5	4.8	6.8	3.6	8.0	5.80	A2
93	501240241	Trương Nguyễn Đức	Thịnh	11/06/2003	CD24CT11	6.5	5.5	4.8	7.6	6.10	B1
94	511240393	Phan Nguyễn Minh	Trí	22/06/2005	CD24LG1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
95	501240151	Cao Nhật	Trường	25/01/2006	CD24CT2	2.3	0.3	2.4	0.0	1.25	không đạt
96	501240274	Trương Ngọc	Trường	25/03/2000	CD24CT11	10.0	9.0	9.2	7.2	8.85	B1
97	501230369	Trịnh Văn	Vũ	11/11/2005	CD23CT4	2.3	2.5	3.6	5.0	3.35	không đạt
98	511240143	Đặng Huỳnh Như	Ý	26/12/2006	CD24LG1	4.0	3.0	4.4	5.0	4.10	không đạt

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Trung cấp điểm TB ≥ 4.0

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Cao đẳng điểm TB ≥ 5.1

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ chất lượng cao điểm TB ≥ 6.1

Điểm liệt: có 1 trong 4 kỹ năng ≤ 3.5

Tổng số sinh viên dự thi: 92

Tổng số đạt : 71

Tổng số không đạt: 21

Tổng số bỏ thi: 6.0

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Trưởng Khoa

ThS. Lư Quốc Tuấn